

Bản án số: 10/2022/HNGĐ-PT

Ngày: 04 - 5- 2022

V/v “*Tranh chấp chia tài sản sau khi ly hôn
và thay đổi người trực tiếp nuôi con
sau khi ly hôn*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

- *Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hiền

Các Thẩm phán: Ông Ninh Quang Thế

Ông Dương Hùng Quang

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Bùi Thanh Khuyên là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.

- *Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa:*

Ông Phạm Văn Hùng - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 28 tháng 4 đến ngày 04 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử phúc thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 04/2022/TLPT-HNGĐ ngày 18 tháng 01 năm 2022 về việc “*Tranh chấp chia tài sản sau khi ly hôn và thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn*”.

Do bản hôn nhân và gia đình sơ thẩm số: 140/2021/HNGĐ-ST ngày 30/11/2021 của Tòa án nhân dân thành phố C bị kháng cáo, kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 09/2022/QĐXX-PT ngày 21 tháng 02 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Lê Thị Kiều D, sinh năm 1980; Địa chỉ: Số 1, đường L, khóm 2, phường 2, thành phố C, tỉnh Cà Mau (có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Trần Văn Đ, là Luật sư của Chi nhánh Công ty Luật TNHH MTV Công Hùng và Cộng sự tại Cà Mau (có mặt).

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Anh K, sinh năm 1976; Địa chỉ: Số 1, đường L, khóm 2, phường 2, thành phố C, tỉnh Cà Mau (có mặt).

Người đại diện theo hợp pháp của bị đơn: Ông Ngô Kiên H, sinh năm 1981; Địa chỉ: Số 3, L, khóm 9, phường 6, thành phố C, tỉnh Cà Mau (có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Ông Phạm Thanh R, là Luật sư thành viên của Văn phòng luật sư Huỳnh Quốc thuộc đoàn Luật sư tỉnh Cà Mau (có mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ quan :

1. Ông Nguyễn Anh D; Địa chỉ: Số 2, L, khóm 6, phường 1, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

2. Công ty TNHH Thương mại dịch vụ xuất nhập khẩu B; Địa chỉ: Số 38, đường S 3, phường T, quận T, thành phố Hồ Chí Minh.

3. Công ty TNHH Sản xuất thương mại dịch vụ PH; Địa chỉ: Số 5, Võ Văn K, khu phố 4, phường A, quận B, Thành Phố Hồ Chí Minh.

4. Công ty TNHH Thương mại dịch vụ đầu tư VĐ; Địa chỉ: Số 8, đường số 1, Khu dân cư B, xã B, huyện BC, thành phố Hồ Chí Minh.

5. Công ty TNHH Thương mại và dịch vụ ĐK; Địa chỉ: Số 3, đường T, khu phố 3, phường A, Quận C, Thành Phố Hồ Chí Minh.

6. Công ty TNHH Thương mại và dịch vụ ĐK – Chi nhánh Đ; Địa chỉ: Số 81, khu phố 5B, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

7. Sở Xây dựng tỉnh C; Địa chỉ: Số 265, đường T, phường 5, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

8. Nguyễn Gia H, sinh năm: 2001; Địa chỉ: Số 135, đường L, khóm 2, phường 2, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

Những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng.

- Người kháng cáo: Bà Lê Thị Kiều D là nguyên đơn và ông Nguyễn Anh K là bị đơn.

- Viện kiểm sát kháng nghị: Viện kiểm sát nhân dân thành phố C.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn bà Lê Thị Kiều D trình bày:

Bà và ông Nguyễn Anh K kết hôn năm 2000. Đến năm 2018 thì vợ chồng thuận tình ly hôn tại Tòa án nhân dân thành phố C, được giải quyết bằng quyết định số 417/2018/QĐST–HNGĐ ngày 16/11/2018. Về con chung thỏa thuận giao hai con Nguyễn Gia H, sinh ngày 09/01/2001 và Nguyễn Gia H, sinh ngày 26/7/2006 cho ông K nuôi. Tuy nhiên từ khi ly hôn đến nay hai con đều do bà nuôi và chăm sóc. Do đó nay bà yêu cầu được nuôi hai con, không yêu cầu ông K cấp dưỡng.

Về tài sản: Trong thời gian chung sống bà và ông K có tạo lập được một số tài sản gồm: máy nổ nông ngư cơ có giá trị 3.000.000.000đ; giá trị sửa chữa căn nhà số 153, đường L, khóm 2, phường 2, thành phố C (căn nhà thuê của nhà nước) 800.000.000đ. Nay bà yêu cầu chia 60% giá trị tổng tài sản là 2.800.000.000đ, ông K được hưởng 40% giá trị là 1.520.000.000đ. Đồng thời bà yêu cầu được tiếp tục thuê căn nhà trên để kinh doanh nuôi con.

Bị đơn ông Nguyễn Anh K trình bày: Ông và bà D kết hôn năm 2000 và đã thuận tình ly hôn năm 2018 như phía bà D trình bày.

Về con chung: Thỏa thuận giao hai con Nguyễn Gia H, sinh ngày 09/01/2001 và Nguyễn Gia H, sinh ngày 26/7/2006 cho ông nuôi, không đặt ra việc cấp dưỡng. Nay bà D thay đổi việc nuôi con ông không đồng ý.

Về nợ chung: Nợ Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam tính đến ngày 17/10/2018 tổng nợ là 2.134.267.401đ; nợ Ngân hàng quốc tế Việt Nam tính đến ngày 18/10/2018 là 486.622đ. Sau khi ly hôn ông đã thanh toán nợ cho Ngân hàng. Ngoài ra trong quá trình chung sống ông và bà D có một số tài sản chung gồm:

1/ 01 dãy nhà trọ tại khóm 3, phường 8, thành phố C diện tích 255,50m² đã có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do ông và D đứng tên. Sau khi ly hôn ông và bà D đã tặng cho Nguyễn Gia H.

2/ 01 căn nhà và đất (nhà kho) tọa lạc tại số 123, đường Trương Phùng Xuân, khóm 3, phường 8, thành phố C diện tích 345,90m², đã có giấy CNQSDĐ do ông và bà D đứng tên; 01 căn nhà và đất tại khóm 4, phường 8, thành phố C diện tích 135m² đã có GCNQSDĐ do ông và D đứng tên; 01 căn nhà số 109, đường Gành Hào, khóm 7, phường 7, thành phố C, ngang 4,2m, dài 16m chưa có giấy CNQSDĐ. Sau khi ly hôn ông thỏa thuận giao cho bà D 03 căn nhà này.

3/ 01 căn nhà số 153, đường L, khóm 2, phường 2, thành phố C, tỉnh Cà Mau nhà thuê của Sở Xây Dựng tỉnh Cà Mau năm 2009, đến năm 2017 thì cất mới lại, trị giá kiến trúc căn nhà 650.000.000đ, hiện ông đang kinh doanh phụ tùng nông ngư cơ.

4/ 01 miếng đất ruộng ngang 4m x 72m tại khóm 6, phường 9, thành phố C, tỉnh Cà Mau chưa có giấy CNQSDĐ.

5/ Các máy móc phụ tùng nông ngư cơ.

6/ 01 xe ô tô hiệu toyota Alist 2.0 biển số 69A - 02948. Sau khi ly hôn thỏa thuận xe giao cho bà D.

Ngược lại bà D hoàn lại ông một số tiền nhưng đến nay bà D còn thiếu lại 500.000.000đ.

Về nợ chung tính đến ngày 31/12/2019 còn nợ các Công ty với tổng số tiền 1.521.879.000 đồng.

Nay ông yêu cầu được tiếp tục nuôi cháu Hào, không yêu cầu cấp dưỡng; được tiếp tục quản lý, sử dụng căn nhà số 153, L, khóm 2, phường 2, thành phố C, tỉnh Cà Mau và đồng ý hoàn lại cho bà D số tiền 325.000.000đ; Giao bà D quản lý, sử dụng phần đất nông nghiệp ngang 4mx72m tọa lạc tại khóm 6, phường 9, thành phố C, bà D có trách nhiệm hoàn lại ông 2,5 lượng vàng 24k. Đồng thời ông yêu cầu bà D trả số tiền 500.000.000đ trước đây thỏa thuận chia tài sản chung mà bà D chưa hoàn lại.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Anh D trình bày:

Ông có cho Nguyễn Ông K thuê một nửa diện tích nhà kho số 222, đường Lý Văn Lâm, khóm 6, phường 1, thành phố C, tỉnh Cà Mau còn 01 nửa ông đậu xe và

kinh doanh nhót và một số mặt hàng có liên quan đến dịch vụ xe. Ông xác định nhót loại 20 lít và nhót thùng theo danh sách liệt kê của Công ty thẩm định giá Thành Đô là của ông, không phải là tài sản chung của K và D nên ông không đồng ý chia.

- *Sở Xây dựng tỉnh C xác định:* Căn nhà số 153, đường L, khóm 2, phường 2, thành phố C, tỉnh Cà Mau là nhà cũ thuộc sở hữu nhà nước, cho hộ gia đình bà Lê Thị Kiều D thuê nhà theo hợp đồng thuê số 04/HĐ ngày 11/7/2019 với các thành viên cùng thuê nhà ở gồm: Bà Lê Thị Kiều D; ông Nguyễn Anh K; ông Nguyễn Gia H. Căn cứ hợp đồng thuê nhà thì 03 thành viên của hộ gia đình bà Lê Thị Kiều D có quyền quản lý, sử dụng nhà thuê. Đối với yêu cầu tiếp tục quản lý, sử dụng nhà thuê trong trường hợp vợ chồng bà Lê Thị Kiều D ly hôn cần được xem xét trên cơ sở đối chiếu quy định pháp luật về đối tượng, điều kiện được thuê nhà ở cũ thuộc sở hữu nhà nước quy định tại điểm d, khoản 1 và điểm d khoản 2 Điều 82 Luật nhà ở.

Sở Xây dựng sẽ căn cứ vào bản án/quyết định của Tòa án về người được giao quyền sử dụng căn nhà số 153, đường L, khóm 2, phường 2, thành phố C để trình UBND tỉnh Cà Mau quyết định cho người đó được tiếp tục thuê căn nhà trên.

Tại bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số: 140/2021/HNGĐ-ST ngày 30/11/2021 của Tòa án nhân dân thành phố C đã quyết định:

1. Không chấp nhận yêu cầu của bà Lê Thị Kiều D về việc yêu cầu nuôi con đối với cháu Nguyễn Gia H, sinh ngày 26/7/2006. Tiếp tục giao cháu Nguyễn Gia H cho ông K nuôi, không đặt ra việc cấp dưỡng nuôi con.

2. Công nhận sự thoả thuận của bà D và ông K về việc chia tài sản chung đối với máy móc nông ngư cơ với giá trị 1.040.000.000đ. Ông K có nghĩa vụ hoàn trả bà D số tiền 520.000.000đ. Bà D có nghĩa vụ bàn giao cho ông K số máy móc nông ngư cơ được liệt kê tại biên bản về việc công bố kết quả thẩm định giá... ngày 17/12/2020. Các bên bắt đầu thực hiện việc giao tiền và giao tài sản nêu trên kể từ ngày bản án có hiệu lực.

3. Ông K hoàn lại cho bà D chi phí định giá tài sản số tiền 5.000.000đ.

4. Chấp nhận yêu cầu của bà D được tiếp tục thuê và quản lý, sử dụng căn nhà số 153, đường L, khóm 2, phường 2, thành phố C, tỉnh Cà Mau (theo hợp đồng thuê nhà số 04/HĐ, ngày 11/7/2019). Buộc ông K có nghĩa vụ di dời tất cả các máy móc và vật dụng trong nhà để bàn giao mặt bằng lại cho bà Lê Thị Kiều D khi bản án có hiệu lực.

Bà D có nghĩa vụ hoàn trả cho ông K 50% giá trị tiền sửa chữa căn nhà số 153, đường L, khóm 2, phường 2, số tiền là 325.000.000đ.

5. Không chấp nhận yêu cầu của bà D về việc yêu cầu ông K chia tài sản chung đối với lô nhót và thùng nhót có giá trị là 250.000.000đ.

6. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu phản tố của ông K về việc yêu cầu bà D chia đất nông nghiệp ngang 4m x 72m , tọa lạc tại khóm 6, phường 9, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

7. Về phần nợ chung tách ra giải quyết bằng vụ án dân sự khác.

Ngoài ra, Toà án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí, chi phí tố tụng, lãi suất chậm thi hành, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự theo luật định.

Ngày 14/12/2021 Viện kiểm sát nhân dân thành phố C kháng nghị phúc thẩm đối với một phần bản án sơ thẩm, đề nghị Toà án cấp phúc thẩm xét xử theo hướng sửa một phần bản án sơ thẩm là:

- Không chấp nhận yêu cầu của bà Lê Thị Kiều D về việc bà D được tiếp tục thuê và quản lý, sử dụng căn nhà số 153, đường L, khóm 2, phường 2, thành phố C, tỉnh Cà Mau (theo hợp đồng thuê nhà số 04/HĐ, ngày 11/7/2019); Giao quyền thuê căn nhà này cho ông K tiếp tục thuê và quản lý, sử dụng, ông K có trách nhiệm hoàn lại cho bà D $\frac{1}{2}$ giá trị tiền sửa chữa căn nhà, số tiền 325.000.000 đồng.

- Không chấp nhận yêu cầu của bà D về việc yêu cầu chia tài sản chung là xe máy Honda Vario, biển số 69B1-280.75, trị giá 40.000.000 đồng.

- Bà D có trách nhiệm hoàn lại cho ông K $\frac{1}{2}$ số tiền mà ông K đã thanh toán, cụ thể với số tiền 60.470.000 đồng.

- Phần án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch đối với bà D phải chịu theo đúng quy định.

Ngày 15/12/2021 bị đơn ông Nguyễn Ông K kháng toàn bộ bản án sơ thẩm; yêu cầu cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu của bà D về việc bà D được tiếp tục thuê và quản lý, sử dụng căn nhà số 153, đường L, khóm 2, phường 2, thành phố C, tỉnh Cà Mau (theo hợp đồng thuê nhà số 04/HĐ, ngày 11/7/2019); chia tài sản chung đối với xe máy Honda Vario, biển số 69B1-280.75; chấp nhận yêu cầu phản tố của ông K về việc giao cho ông K được tiếp tục thuê và quản lý, sử dụng căn nhà số 153, đường L, khóm 2, phường 2, thành phố C, tỉnh Cà Mau (theo hợp đồng thuê nhà số 04/HĐ, ngày 11/7/2019), yêu cầu bà D hoàn lại cho ông K $\frac{1}{2}$ số tiền nợ chung mà ông đã thanh toán cho 05 công ty với tổng số tiền là 760.939.500 đồng.

Ngày 15/12/2021 nguyên đơn bà Lê Thị Kiều D kháng một phần bản án sơ thẩm; yêu cầu cấp phúc thẩm giải quyết chia đôi giá trị lô nhót loại 20 lít và nhót thùng có giá trị 250.000.000 đồng, yêu cầu giao nhót cho ông K nhận, bà D nhận $\frac{1}{2}$ giá trị là 125.000.000 đồng.

Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn trình bày: Giữ nguyên nội dung kháng cáo; yêu cầu nhận căn nhà thuê của Sở Xây dựng để có nơi kinh doanh, vì ba căn nhà bà D được nhận từ chia tài sản chung thì bà sang bán cho mẹ 01 căn, bán cho cha 01 căn và thuê lại để kinh doanh đồ sắt; đối với lô nhót bị đơn xuất trình hóa đơn đứng tên ông Nguyễn Anh D mua hàng ghi ngày 20/9/2020 trong khi Tòa án thẩm định tháng 3/2020 đã có lô nhót này rồi, nên cần phải xem xét vì không có căn cứ chứng minh nhót của ông D, bà D yêu cầu chia $\frac{1}{2}$ giá trị lô nhót. Bà D thống nhất căn nhà thuê số 153 có giá trị

1.450.000.000 đồng (trong đó xây nhà 650.000.000 đồng, chi phí đầu tư ban đầu để nhận thuê nhà 800.000.000 đồng).

- Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích của nguyên đơn trình bày: Tại phiên tòa phúc thẩm bà D, ông K thống nhất ý kiến đối với căn nhà thuê của Sở xây dựng giá trị căn nhà 650.000.000 đồng và 800.000.000 đồng là số tiền xuất ra tại thời điểm để thuê lại căn nhà vào năm 2010, đây là thỏa thuận tự nguyện nên yêu cầu Hội đồng xét xử ghi nhận; Thời gian qua bà D không ở căn nhà thuê là vì hai đương sự thường xảy ra cự cãi nên Công an phường 2 lập biên bản và động viên nên giao cho một người ở để đợi phán quyết của Tòa án, ngoài ra sau khi ly hôn bà D vẫn tiếp tục ký hợp đồng thuê nhà, do vậy bà D yêu cầu được nhận căn nhà thuê; chiếc xe máy Vario giá 40.000.000 đồng, xe này liệt kê trong sổ tài sản đã định giá, nên không đồng ý kháng cáo ông K về chiếc xe là tài sản riêng của ông K.

- Bị đơn trình bày: Rút kháng cáo về khoản nợ trả cho 05 Công ty và sẽ khởi kiện sau, các nội dung kháng cáo khác giữ nguyên:

+ Yêu cầu được nhận căn nhà thuê của Sở Xây dựng, bởi vì: Khi thỏa thuận chia tài sản bà D đã nhận 03 căn nhà, hiện tại 01 căn bà D cho thuê trọ, 01 căn kinh doanh đồ sắt, ngoài ra căn nhà cho con trai Gia H có 10 phòng trọ nhưng bà D cho thuê lấy tiền; từ khi vợ chồng ly hôn năm 2018 đến nay ông K nuôi hai con đang học tại thành phố Hồ Chí Minh mỗi tháng 20 triệu đồng;

+ Chiếc xe máy Vario ông K mua sau khi ly hôn, ông mua cho con trai Gia H sử dụng, ông không đồng ý là tài sản chung, yêu cầu xem xét.

+ Lô nhót trị giá 250 triệu đồng là của ông D, có chứng từ hóa đơn thể hiện; căn nhà chứa đồ mua bán do ông D thuê và cho ông K thuê lại $\frac{1}{2}$ căn, $\frac{1}{2}$ của ông D, nên khi Tòa án thẩm định thì nhót để bên phần nhà của ông D; cho nên không đồng ý với kháng cáo của bà D được hưởng $\frac{1}{2}$ giá trị lô nhót.

Đồng ý tổng giá trị căn nhà thuê của Sở Xây dựng là 1.450.000.000 đồng.

- Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích của bị đơn trình bày: Lời trình bày của bị đơn ở trên là đúng sự thật, yêu cầu chấp nhận toàn bộ kháng cáo của bị đơn. Đối với kháng cáo của nguyên đơn không chấp nhận.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân tỉnh Cà Mau phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử tiến hành đúng theo quy định của pháp luật tố tụng và các đương sự cũng chấp hành đúng với quyền và nghĩa vụ của các đương sự được pháp luật quy định.

Về nội dung: Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với phần nội dung kháng cáo của ông K yêu cầu bà D hoàn lại cho ông K $\frac{1}{2}$ số tiền nợ chung mà ông đã thanh toán cho 05 Công ty và một phần nội dung kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân thành phố C đối với phần nợ chung; Chấp nhận kháng cáo của ông K và kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân thành phố C, sửa một phần bản sơ thẩm theo hướng giao căn nhà thuê của Sở xây dựng cho ông K được tiếp tục thuê, K giao cho D $\frac{1}{2}$ giá trị tiền sửa chữa nhà bằng 325.000.000 đồng và $\frac{1}{2}$ số tiền đưa cho người thuê trước bằng 400.000.000 đồng, tổng là 725.000.000 đồng; Không chia giá trị chiếc xe honda

Vario, với số tiền 40.000.000 đồng; Công nhận sự thoả thuận của bà D và ông K về việc chia tài sản chung đối với máy móc nông ngư cơ với giá trị 1.000.000.000 đồng. Ông K hoàn trả cho bà D 500.000.000 đồng, bà D có nghĩa vụ bàn giao cho ông K số máy móc nông ngư cơ được liệt kê tại biên bản về việc công bố kết quả thẩm định giá ngày 17/12/2020.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Bà Lê Thị Kiều D và ông Nguyễn Anh K kết hôn 2000, thuận tình ly hôn ngày 16/11/2018; Về con chung ông K trực tiếp nuôi hai con, tài sản tự phân chia. Sau đó bà D khởi kiện yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và chia tài sản sau khi ly hôn. Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số: 140/2021/HNGĐ-ST ngày 30/11/2021 của Tòa án nhân dân thành phố C quyết định: Không chấp nhận khởi kiện của bà D về việc yêu cầu nuôi con đối với cháu Nguyễn Gia H, sinh ngày 26/7/2006. Tiếp tục giao cháu Hào cho ông K nuôi; Công nhận sự thoả thuận của bà D và ông K về việc chia tài sản chung đối với máy móc nông ngư cơ trị giá 1.040.000.000 đồng. Ông K hoàn trả bà D số tiền 520.000.000 đồng. Bà D có nghĩa vụ bàn giao cho ông K số máy móc nông ngư cơ đã được liệt kê trong biên bản; Chấp nhận yêu cầu của bà D được tiếp tục thuê và quản lý, sử dụng căn nhà số 153, đường L, khóm 2, phường 2, thành phố C, bà D hoàn trả cho ông K 50% giá trị tiền sửa chữa căn nhà số 153 là 325.000.000 đồng; Không chấp nhận yêu cầu của bà D về chia lô nhót trị giá 250.000.000 đồng.

Bà D và ông K kháng cáo, Viện kiểm sát nhân dân thành phố C kháng nghị.

[2] Xem xét nội dung kháng cáo của bà D yêu cầu cấp phúc thẩm giải quyết chia đôi lô nhót trị giá 250.000.000 đồng, bà D nhận $\frac{1}{2}$ giá trị là 125.000.000 đồng

Bà D trình bày lô nhót là tài sản chung, nhưng ông K xác định nhót là của ông Nguyễn Anh D (anh trai ông K), ông D thuê căn nhà nhưng ông D cho ông K thuê lại $\frac{1}{2}$ căn, còn $\frac{1}{2}$ căn nhà thuê của ông D thì ông D để tài sản của ông D, khi Tòa án xem xét thẩm định có ghi nhận lô nhót vào biên bản. Lời khai của ông K phù hợp với lời khai ông D. Phía bà D không đưa ra được căn cứ chứng minh lô nhót là tài sản chung, cho nên án sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu bà D là có căn cứ. Do đó, không chấp nhận kháng cáo của bà D về lô nhót là tài sản chung.

[3] Xét kháng cáo của ông K, yêu cầu sửa bản án sơ thẩm

[3.1] Xét kháng cáo của ông K về yêu cầu được thuê và quản lý, sử dụng căn nhà số 153, đường L, khóm 2, phường 2, thành phố C, tỉnh Cà Mau (viết tắt căn nhà thuê số 153)

Qua xem xét toàn diện chứng cứ, thể hiện: Tại thời điểm ly hôn, bà D, ông K có tài sản chung, gồm:

1/ Quyền sử dụng (viết tắt QSD) đất diện tích 255,5m² tại khóm 3, phường 8, thành phố C, ông K và D đứng tên, trên đất xây dựng 10 phòng trọ. Thống nhất tặng cho con Nguyễn Gia H.

2/ Một căn nhà (nhà kho) và đất tọa lạc tại số 123, đường Trương Phùng Xuân, khóm 3, phường 8, thành phố C diện tích 345,90m², do ông K và bà D đứng tên giấy chứng nhận QSD đất;

3/ Một căn nhà và đất tại khóm 4, phường 8, thành phố C diện tích 135m² do ông K và D đứng tên giấy chứng nhận QSD đất;

4/ Một căn nhà số 109A, đường Gành Hào, khóm 7, phường 7, thành phố C, ngang 4,2m, dài 16m chưa có giấy chứng nhận QSD đất;

5/ Một căn nhà số 153, đường L, khóm 2, phường 2, thành phố C, tỉnh Cà Mau nhà thuê của Sở Xây Dựng tỉnh Cà Mau năm 2009, đến năm 2017 thì cất mới lại, trị giá kiến trúc căn nhà 650.000.000 đồng và hàng hóa là máy móc phụ tùng nông ngư cơ đang kinh doanh.

6/ Một xe ô tô hiệu Toyota Alist 2.0 biển số 69A – 029.48

Sau khi ly hôn, hai đương sự thỏa thuận chia tài sản chung, cụ thể: QSD đất tại khóm 3, phường 8, thành phố C có xây 10 phòng trọ tặng cho con Nguyễn Gia H; bà D nhận tất cả QSD đất và nhà gắn liền với đất cùng chiếc xe ô tô.

Theo như ông K trình bày, phân chia tài sản không lập văn bản, mà chỉ thỏa thuận miệng, lập thủ tục sang tên cho bà D với hình thức là ông K tặng cho bà D tất cả QSD đất và chiếc xe ô tô, phần ông K quản lý căn nhà thuê số 153 để kinh doanh nuôi hai con, nhưng sau khi sang tên các tài sản thì bà D khởi kiện yêu cầu chia căn nhà thuê số 153 và hàng hóa kinh doanh. Ông K đồng ý chia giá trị hàng hóa, đối với căn nhà thuê không đồng ý để bà D được nhận thuê căn nhà, mà đồng ý giao giá trị đầu tư. Qua ý kiến của ông K, nhận thấy: Đầu năm 2019, hai đương sự tự thỏa thuận chia tài sản, bà D được nhận chiếc xe ô tô và tất cả nhà, đất đó là: Căn nhà và đất tọa lạc tại số 123, đường Trương Phùng Xuân, thành phố C; Nhà và đất tại khóm 4, phường 8, thành phố C; Căn nhà số 109A, đường Gành Hào, khóm 7, phường 7, thành phố C căn nhà này hiện tại bà D đang mua bán kinh doanh đồ sắt. Đối với nhà tại khóm 3, phường 8, thành phố C tặng cho con Nguyễn Gia H nhưng bà D vẫn quản lý cho thuê phòng trọ. Như vậy, nhà đất mà vợ chồng tạo lập thì bà D là người được nhận toàn bộ và bà D cũng có cơ sở kinh doanh tại nhà số 109A, đường Gành Hào, khóm 7, phường 7; Trong khi ông K chỉ quản lý căn nhà thuê số 153 để mua bán kinh doanh, ông K quản lý nhà thuê từ sau khi vợ chồng ly thân cho đến nay để kinh doanh và nuôi hai con là Gia H hiện đang học Đại học tại thành phố Hồ Chí Minh và Gia H học Trung học phổ thông nội trú tại thành phố Hồ Chí Minh, từ thời điểm vợ chồng ly hôn cuối năm 2018 thì ông K là người nuôi con, mỗi tháng ông K gửi tiền nuôi hai con là 20.000.000 đồng. Như vậy, trên thực tế bà D không trực tiếp nuôi con, nhưng bà nhận ba căn nhà và đất, có cơ sở kinh doanh, trong khi ông K nuôi hai con ăn học, chỉ có căn nhà thuê số 153 để ở và kinh doanh, do vậy ông K yêu cầu được tiếp tục thuê và quản lý, sử dụng căn nhà số 153 là phù hợp và được chấp nhận.

Tại phiên tòa phúc thẩm, hai đương sự thống nhất giá trị căn nhà là 1.450.000.000 đồng (giá trị xây dựng lại căn nhà 650.000.000 đồng, chi phí đầu tư ban đầu để nhận thuê nhà là 800.000.000 đồng). Đây là sự thỏa thuận tự nguyện, không trái pháp luật, nên ghi nhận sự thỏa thuận về giá trị căn nhà thuê số 153 là

1.450.000.000 đồng, ông K được quản lý nhà thuê, có nghĩa vụ hoàn trả lại cho bà D ½ giá trị bằng 725.000.000 đồng.

[3.2] Xét kháng cáo của ông K đối với yêu cầu không chấp nhận chia tài sản chung là chiếc xe máy Honda Vario, biển số 69B1-280.75

Ông K cho rằng chiếc xe ông mua và đứng tên sau khi ly hôn, mua cho con là Gia H, hiện tại Huy đang quản lý, sử dụng, cho nên không đồng ý chiếc xe là tài sản chung. Về phía bà D xác định xe là tài sản chung vì ông K dùng tiền chung để mua xe. Qua lời trình bày của các đương sự, nhận thấy: Tại biên bản phiên tòa sơ thẩm thể hiện ông K không chứng minh được chiếc xe là tài sản riêng; mặt khác, án sơ thẩm tuyên xử trên cơ sở ghi nhận sự thỏa thuận của hai đương sự về chia tài sản chung với các loại máy móc, xe máy, theo đó ông K nhận tài sản, giao cho bà D ½ giá trị bằng 520.000.000 đồng. Trong số tiền này có giá trị chiếc xe, ông K tự nguyện và không kháng cáo về nội dung này. Vì vậy, không chấp kháng cáo chiếc xe là tài sản riêng của ông K.

[3.3] Đối với kháng cáo về yêu cầu bà D có trách nhiệm hoàn trả lại ½ số tiền nợ chung mà ông K đã thanh toán cho 05 Công ty là 760.939.500 đồng

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông K rút nội dung kháng cáo này. Căn cứ điểm c khoản 1 và khoản 3 Điều 289 của Bộ luật tố tụng dân sự, đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với phần rút kháng cáo.

[4] Xét kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân thành phố C

[4.1] Kháng nghị không chấp nhận yêu cầu của bà D được tiếp tục thuê và quản lý, sử dụng căn nhà số 153, đường L, khóm 2, phường 2, thành phố C; Giao cho ông K tiếp tục thuê và quản lý, sử dụng, ông K có trách nhiệm hoàn lại cho bà D ½ giá trị

Nhận thấy, nội dung kháng nghị này cùng với nội dung kháng cáo của ông K được nhận định tại mục [3.1] nêu trên. Như nhận định tại mục [3.1] kháng cáo của ông K được chấp nhận toàn bộ; Vì vậy, kháng nghị được chấp nhận.

[4.2] Kháng nghị không chấp nhận yêu cầu của bà D về chiếc xe máy hiệu Vario là tài sản chung

Nội dung kháng nghị này cùng với nội dung kháng cáo của ông K được nhận định tại mục [3.2] nêu trên. Nhận định tại mục [3.2] kháng cáo của ông K không được chấp nhận; Vì vậy, kháng nghị không được chấp nhận.

[4.3] Xét kháng nghị về nghĩa vụ thanh toán nợ

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau rút một phần kháng nghị đối với nội dung về nghĩa vụ thanh toán nợ. Đối với kháng cáo về thanh toán nợ, tại phiên tòa phúc thẩm ông K rút kháng cáo. Căn cứ điểm c khoản 1 và khoản 3 Điều 289 của Bộ luật tố tụng dân sự, đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với phần rút kháng nghị.

[5] Từ nhận định trên, không chấp nhận kháng cáo của bà D đối với lô nhót là tài sản chung; chấp nhận một phần kháng cáo của ông K và một phần kháng nghị về

yêu cầu ông K được thuê căn nhà số 153; không chấp nhận một phần kháng cáo của ông K và một phần kháng nghị về chiếc xe Vario là tài sản riêng của ông K; đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với nợ trả; Sửa một phần bản án sơ thẩm.

[6] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa được chấp nhận một phần với những nội dung nhận định ở trên.

[7] Về án phí

[7.1] Án phí sơ thẩm: Do sửa án sơ thẩm, nên sửa án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch. Bà D và ông K mỗi người được chia tài sản là 1.245.000.000 đồng, mỗi người phải chịu 49.350.000 đồng, được khấu trừ số tiền mà hai đương sự đã nộp tạm ứng án phí.

[7.2] Án phí phúc thẩm: Bà D phải chịu 300.000 đồng, đã dự nộp được chuyển thu; ông K không phải chịu, đã dự nộp 300.000 đồng được nhận lại.

[8] Đối với yêu cầu của nguyên đơn về việc thu thập chứng cứ tại Công an phường 2, thành phố C. Tòa án có hai văn bản gửi Công an phường 2 nhưng không nhận được ý kiến phản hồi.

[9] Các quyết định khác của án sơ thẩm không kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 2 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Không chấp nhận kháng cáo của bà D đối với lô nhót là tài sản chung; chấp nhận một phần kháng cáo của ông K và một phần kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân thành phố C về yêu cầu ông K được thuê căn nhà số 153; không chấp nhận một phần kháng cáo của ông K và một phần kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân thành phố C về chiếc xe Vario là tài sản riêng của ông K; đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với nợ trả cho các Công ty; Sửa bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số: 140/2021/HNGĐ-ST ngày 30/11/2021 của Tòa án nhân dân thành phố C, tỉnh Cà Mau.

Căn cứ các Điều 38, 39, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 82 Luật nhà ở; Điều 219 Bộ luật dân sự; Điều 147, 148, 244, 289 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị Quyết 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của ông Nguyễn Anh K và kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân thành phố C về nghĩa vụ thanh toán nợ cho các Công ty.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Kiều D về việc yêu cầu nuôi con đối với cháu Nguyễn Gia H, sinh ngày 26/7/2006.

Tiếp tục giao cháu Nguyễn Gia H cho ông Nguyễn Anh K nuôi dưỡng, không đặt ra việc cấp dưỡng nuôi con. Bà Lê Thị Kiều D có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Công nhận sự thoả thuận của bà Lê Thị Kiều D và ông Nguyễn Anh K về việc chia tài sản chung đối với máy móc nông ngư cơ với giá trị 1.040.000.000 đồng. Ông Nguyễn Anh K có nghĩa vụ hoàn trả bà Lê Thị Kiều D số tiền 520.000.000 đồng. Bà Lê Thị Kiều D có nghĩa vụ bàn giao cho ông Nguyễn Anh K số máy móc nông ngư cơ, được liệt kê tại biên bản về việc công bố kết quả thẩm định giá... ngày 17/12/2020 (BL 245, 246, 247).

Các bên bắt đầu thực hiện việc giao tiền và giao tài sản nêu trên kể từ ngày bản án có hiệu lực.

4. Không chấp nhận yêu cầu của bà Lê Thị Kiều D được tiếp tục thuê và quản lý, sử dụng căn nhà số 153, đường L, khóm 2, phường 2, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

Chấp nhận yêu cầu của ông Nguyễn Anh K được tiếp tục thuê và quản lý, sử dụng căn nhà số 153, đường L, khóm 2, phường 2, thành phố C, tỉnh Cà Mau (theo hợp đồng thuê nhà số 04/HĐ, ngày 11/7/2019). Trường hợp bà D có tài sản trong căn nhà số 153 thì buộc bà D phải di dời khi bản án có hiệu lực

Ông Nguyễn Anh K có nghĩa vụ hoàn trả cho bà Lê Thị Kiều D 50% giá trị căn nhà thuê số 153, đường L, khóm 2, phường 2, thành phố C, tỉnh Cà Mau số tiền là 725.000.000 đồng.

Bà Lê Thị Kiều D được nhận 50% giá trị căn nhà bằng 725.000.000 đồng do ông K giao.

5. Không chấp nhận yêu cầu của bà Lê Thị Kiều D về việc yêu cầu ông Nguyễn Anh K chia tài sản chung đối với lô nhót và thùng nhót có giá trị là 250.000.000 đồng.

6. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu phản tố của ông Nguyễn Anh K về việc yêu cầu bà Lê Thị Kiều D chia tài sản chung phần diện tích đất nông nghiệp ngang 4m x 72m, tọa lạc tại khóm 6, phường 9, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

7. Về phần nợ chung tách ra giải quyết bằng vụ án dân sự khác.

8. Buộc ông Nguyễn Anh K có nghĩa vụ hoàn lại cho bà Lê Thị Kiều D chi phí định giá tài sản số tiền 5.000.000 đồng.

9. Đối với người có nghĩa vụ thanh toán các khoản tiền thuộc về trách nhiệm của mình mà chậm thanh toán thì phải chịu lãi suất chậm thi hành án theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

10. Về án phí sơ thẩm

- Bà Lê Thị Kiều D phải chịu 300.000 đồng án phí không giá ngạch và 49.350.000 đồng án phí có giá ngạch. Ngày 13 tháng 12 năm 2019 bà Lê Thị Kiều D đã dự nộp 39.100.000 đồng tại biên lai số 0001155 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố C được chuyển thu; bà Lê Thị Kiều D còn phải nộp tiếp 10.550.000 đồng.

- Ông Nguyễn Anh K phải chịu án phí có giá ngạch là 49.350.000 đồng. Ngày 02 tháng 3 năm 2021, ông Nguyễn Anh K đã dự nộp 20.025.000 đồng tại biên lai thu số 0000694 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố C được chuyển thu; ông K còn phải nộp tiếp 29.325.000 đồng.

11. Về án phí phúc thẩm

Bà Lê Thị Kiều D phải chịu 300.000 đồng, ngày 23/12/2021 bà D đã dự nộp 300.000 đồng tại biên lai thu số 0000739 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố C được chuyển thu.

Ông K không phải chịu, ngày 17/12/2021 ông K đã dự nộp 300.000 đồng tại biên lai thu số 0000731 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố C được nhận lại toàn bộ.

12. Các quyết định khác của án sơ thẩm không kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

13. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Tòa án nhân dân TP C;
- Chi cục THADS TP C;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;
- Lưu VT(TM:TANDTCM).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Hiền

